| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÀU BÀNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Văn Độ.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1998; nơi thường trú: Tổ 2, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1998; nơi thường trú: Tổ 4, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Hoàng P chung sống năm năm 2022, có tổ chức lễ cưới, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân

xã T, huyện B, tỉnh Dương cấp ngày 16 tháng 02 năm 2023. Hôn nhân tự nguyện.

Sau khi đăng ký kết hôn thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh P không lo lao động để phụ giúp nuôi con, chị T phải vay tiền để trả nợ cho anh P. Kể từ khi sinh con cho đến nay thì anh P bỏ mặc vợ con, không quan tâm, trong khi chị T phải nhờ cha mẹ ruột hỗ trợ nuôi hai mẹ con của chị T và còn phải trả nợ cho anh P. Chị T và anh P đã không còn sống chung từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2023. Cháu H chung hiện đang sống chung với chị P tại tổ 2, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh P không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của chị T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

Theo biên bản xác minh ngày 03 tháng 11 năm 2023, Công chức Tư pháp xã T, huyện B cung cấp như sau: Chị T và anh P quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do chị T và anh P không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ

đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị Tr theo khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị T và anh P chung sống với nhau từ năm 2022 và đăng ký kết hôn năm 2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, chị T và anh P có một người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H (sinh ngày 09/4/2023). Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P nợ nần, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không còn thương yêu, chăm sóc gia đình. Từ khi chị T sinh cháu H, anh P bỏ mặc không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 06/2023. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh P không tham gia làm việc. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc chị T và anh P là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H (sinh ngày sinh ngày 09/4/2023), cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng P; giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Hoàng P có nơi cư trú tại tổ 4, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Thu T khởi kiện anh Nguyễn Hoàng P, yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Huỳnh Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: mối quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Hoàng P là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn anh P do anh P thiếu trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định anh P vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Hoàng P có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2023. Con chung hiện đang chung sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Xét, chị T có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Hoàng P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Hoàng P.

Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2023 cho chị Huỳnh Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng P không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Hoàng P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010456 ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ánh Tuyết**